

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2017: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 024.9711404 – 8213786
- Website: www.bandotranhanh.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối niên độ kế toán là 44 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Thành | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Chủ tịch thường trực | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Đặng Thị Như | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2016 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Trà Giang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Tuyết Quỳnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|----------------|---|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016 |
| • Ông Lê Phú | Phó giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/05/2016 Nghỉ hưu từ ngày 01/03/2017 |
| • Bà Đặng Thị Như | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dong.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối niên độ kế toán là 44 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Thành | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Chủ tịch thường trực | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Đặng Thị Như | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2016 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Trà Giang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Tuyết Quỳnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|----------------|---|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016 |
| • Ông Lê Phú | Phó giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/05/2016 Nghỉ hưu từ ngày 01/03/2017 |
| • Bà Đặng Thị Như | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Loan
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số : 226/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 02/03/2018 từ trang 5 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


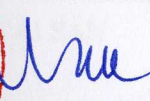
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

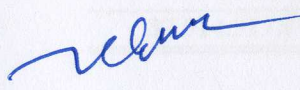
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2018


Huỳnh Thu Trang – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2298-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 36.588.130.274 | 35.598.326.024 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 21.931.201.440 | 17.757.539.551 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 7.931.201.440 | 3.757.539.551 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | 6 | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.441.982.431 | 12.519.147.859 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 10.866.623.453 | 12.933.360.374 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 15.000.000 | 6.308.182 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 97.913.328 | 55.722.760 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (537.554.350) | (476.243.457) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 4.214.946.403 | 5.301.254.965 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 6.076.828.178 | 7.123.523.266 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.861.881.775) | (1.822.268.301) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | 20.383.649 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 20.383.649 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.326.387.405 | 1.551.194.209 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 327.464.234 | 534.487.610 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 327.464.234 | 534.487.610 |
| - Nguyên giá | 222 | | 3.061.867.516 | 3.488.870.569 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.734.403.282) | (2.954.382.959) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 985.425.357 | 1.000.000.000 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 12 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (14.574.643) | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 13.497.814 | 16.706.599 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 13.497.814 | 16.706.599 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 37.914.517.679 | 37.149.520.233 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 6.904.783.637 | 6.735.103.586 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 6.904.783.637 | 6.735.103.586 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 3.211.412.299 | 3.472.076.123 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 21.236.056 | 107.974.654 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 156.310.310 | 128.178.269 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.913.263.581 | 2.443.901.614 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 75.000.000 | 45.000.000 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 364.157.767 | 377.569.302 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 163.403.624 | 160.403.624 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 31.009.734.042 | 30.414.416.647 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 17 | 31.009.734.042 | 30.414.416.647 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 17 | 18.600.000.000 | 18.600.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 18.600.000.000 | 18.600.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Cổ phiếu quỹ | 415 | 17 | (726.105.307) | (726.105.307) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 17 | 2.633.994.225 | 2.633.994.225 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | 17 | 741.277.519 | 741.277.519 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 17 | 9.760.567.605 | 9.165.250.210 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 17 | 6.877.250.210 | 6.370.133.269 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 17 | 2.883.317.395 | 2.795.116.941 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 37.914.517.679 | 37.149.520.233 |

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ | 01 | 18 | 58.863.371.688 | 59.310.458.418 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 19 | 1.517.437.947 | 1.047.228.709 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10 | | 57.345.933.741 | 58.263.229.709 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 20 | 42.066.788.401 | 42.970.461.148 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ | 20 | | 15.279.145.340 | 15.292.768.561 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 21 | 542.922.727 | 474.640.067 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 14.574.643 | 2.196.018 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 22a | 6.951.804.980 | 7.021.641.289 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 22b | 5.220.163.546 | 5.027.722.807 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.635.524.898 | 3.715.848.514 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 23 | 16.732.112 | 34.567.491 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 24 | 11.128.213 | 106.771.551 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 5.603.899 | (72.204.060) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.641.128.797 | 3.643.644.454 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 25 | 757.811.402 | 848.527.513 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 2.883.317.395 | 2.795.116.941 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 26 | 1.638 | 1.588 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 26 | 1.638 | 1.588 |



Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 3.641.128.797 | 3.643.644.454 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao Tài sản cố định | 02 | 11 | 207.023.376 | 207.023.376 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 115.499.010 | (175.230.225) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 21;23 | (544.559.091) | (474.640.067) |
| 3. Lợi nhuận từ hữ kd trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 3.419.092.092 | 3.200.797.538 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 2.052.902.292 | 501.926.166 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 10 | 1.046.695.088 | 326.763.768 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 169.233.527 | 918.014.025 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 13 | 3.208.785 | 16.686.955 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 15 | (760.506.904) | (879.236.076) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 4.000.000 | 4.000.000 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.000.000) | (97.050.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 5.933.624.880 | 3.991.902.376 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1 Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác | 22 | 23 | 1.636.364 | - |
| 2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (600.000.000) |
| 4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 8; 21 | 526.258.620 | 448.617.415 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 527.894.984 | (151.382.585) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | | - | - |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | 16,17c | (2.287.857.975) | (2.463.847.050) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (2.287.857.975) | (2.463.847.050) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 4.173.661.889 | 1.376.672.741 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5; 6 | 17.757.539.551 | 16.380.866.810 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 5; 6 | 21.931.201.440 | 17.757.539.551 |



Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay Chi nhánh nào.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 |
| Phương tiện vận tải | 6 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 1,5 |

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí tem chống lậu, bì nhựa phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 18 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.9 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD-Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 171.989.000 | 185.850.000 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.759.212.440 | 3.571.689.551 |
| Cộng | 7.931.201.440 | 3.757.539.551 |

6. Các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 |
| Cộng | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 |

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội | 950.749.932 | 1.416.061.998 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thái Nguyên | 1.148.117.716 | 1.241.709.880 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ | 418.337.672 | 1.071.803.240 |
| Công ty Cổ phần Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi | 1.186.489.650 | 947.903.164 |
| Các đối tượng khác | 7.162.928.483 | 8.255.882.092 |
| Cộng | 10.866.623.453 | 12.933.360.374 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|----------------------|----------------------|
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ | 418.337.672 | 1.071.803.240 |
| Công ty Cổ phần Học liệu | 73.393.160 | 523.393.160 |
| Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông | 220.528.212 | 561.040.544 |
| Công ty cổ phần Phát hành Sách giáo dục | 324.677.370 | 307.489.910 |
| Các đối tượng khác | 300.144.888 | 839.144.662 |
| Cộng | 1.337.081.302 | 3.302.871.516 |

8. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi dự thu | 62.586.302 | - | 45.922.194 | - |
| Phải thu thuế TNCN | 31.635.906 | - | 1.247.908 | - |
| Phải thu khác | 3.691.120 | - | 8.552.658 | - |
| Cộng | 97.913.328 | - | 55.722.760 | - |

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|--------------------|--------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn | 537.554.350 | 476.243.457 |
| - Từ 3 năm trở lên | 218.467.200 | 218.467.200 |
| - Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 17.959.743 | - |
| - Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 237.017.974 | 159.896.592 |
| - Trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 64.109.433 | 97.879.665 |
| Cộng | 537.554.350 | 476.243.457 |

Trong đó: Nợ xấu

| | 31/12/2017 | | | |
|---------------------------------------|--------------------|-----------------|-------------------|--|
| | Giá gốc | thể thu hồi (*) | Thời gian quá hạn | Ghi chú |
| Phải thu khách hàng | | | | |
| - Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La | 165.000.000 | - | > 3 năm | Không có khả năng thu hồi, do khách hàng thay đổi chủ sở hữu |
| - Công ty CP Sách TNGD Thăng Long | 53.467.200 | - | > 3 năm | Khó có khả năng thu hồi |
| Cộng | 218.467.200 | - | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

10. Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 29.403.056 | - | 16.444.772 | - |
| Chi phí SX, KD dở dang | 7.015.909 | - | - | - |
| Thành phẩm | 3.687.146.646 | 1.509.684.682 | 4.594.726.104 | 1.463.003.708 |
| Hàng hóa | 2.353.262.567 | 352.197.093 | 2.512.352.390 | 359.264.593 |
| Cộng | 6.076.828.178 | 1.861.881.775 | 7.123.523.266 | 1.822.268.301 |

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017 là 1.580.269.190 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017

11. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 342.503.748 | 2.486.967.700 | 659.399.121 | 3.488.870.569 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | 427.003.053 | 427.003.053 |
| Số cuối năm | 342.503.748 | 2.486.967.700 | 232.396.068 | 3.061.867.516 |
| Khấu hao | | | | |
| Số đầu năm | 342.503.748 | 1.952.480.090 | 659.399.121 | 2.954.382.959 |
| Khấu hao trong năm | - | 207.023.376 | - | 207.023.376 |
| Giảm trong năm | - | - | 427.003.053 | 427.003.053 |
| Số cuối năm | 342.503.748 | 2.159.503.466 | 232.396.068 | 2.734.403.282 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | - | 534.487.610 | - | 534.487.610 |
| Số cuối năm | - | 327.464.234 | - | 327.464.234 |

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 1.819.727.244 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý..
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | | | | |
|--|-------------------|----------------------|-------------------|----------------|---------------|----------|----------------|
| Tình hình hoạt động | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào đơn vị khác | | 1.000.000.000 | 14.574.643 | - | 1.000.000.000 | - | - |
| - Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam | Đang hoạt động | 100.000 | 14.574.643 | - | 1.000.000.000 | - | - |
| Cộng | | 1.000.000.000 | 14.574.643 | - | - | - | - |

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán và công ty không có nguồn dữ liệu đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này. Công ty trích lập dự khoản đầu tư này dựa trên báo cáo tài chính năm 2017 của công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công cụ dụng cụ đã xuất dùng | 11.979.796 | 15.888.889 |
| Tem chống in lậu | 1.518.018 | 817.710 |
| Cộng | 13.497.814 | 16.706.599 |

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|----------------------|----------------------|
| XN Bản đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ Công ty TNHH In và TBGD Đông Á | 566.030.130 | 457.962.824 |
| Công ty TNHH Sách và Thiết bị trường học TP. HCM | 1.039.026.404 | 847.370.285 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM | 630.830.763 | 1.459.664.351 |
| Các đối tượng khác | 975.525.002 | 707.078.663 |
| Cộng | 3.211.412.299 | 3.472.076.123 |

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|--------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM | 630.830.763 | 1.459.664.351 |
| Các đối tượng khác | 7.717.500 | 13.880.000 |
| Cộng | 638.548.263 | 1.473.544.351 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 146.150.205 | 136.604.783 | 9.545.422 |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 45.973.280 | 757.811.402 | 760.506.904 | 43.277.778 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 82.204.989 | 566.187.279 | 544.905.158 | 103.487.110 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 251.542.448 | 251.542.448 | - |
| Cộng | 128.178.269 | 1.724.691.334 | 1.696.559.293 | 156.310.310 |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 182.958.388 | 168.154.550 |
| Thủ lao HĐQT, BKS | 26.418.301 | 16.888.301 |
| Thuế TNCN thu thừa | 151.463.994 | 189.351.391 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 1.808.085 | 1.666.060 |
| Phải trả khác | 1.508.999 | 1.509.000 |
| Cộng | 364.157.767 | 377.569.302 |

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------|-------------------------------------|---|
| Số dư tại 01/01/2016 | 18.600.000.000 | (726.105.307) | 2.633.994.225 | 741.277.519 | 8.834.133.269 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | 2.795.116.941 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | 2.464.000.000 |
| Số dư tại 31/12/2016 | 18.600.000.000 | (726.105.307) | 2.633.994.225 | 741.277.519 | 9.165.250.210 |
| Số dư tại 01/01/2017 | 18.600.000.000 | (726.105.307) | 2.633.994.225 | 741.277.519 | 9.165.250.210 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | 2.883.317.395 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | 2.288.000.000 |
| Số dư tại 31/12/2017 | 18.600.000.000 | (726.105.307) | 2.633.994.225 | 741.277.519 | 9.760.567.605 |

b. Cổ phiếu

| | 31/12/2017 Cổ phiếu | 01/01/2017 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.860.000 | 1.860.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 1.860.000 | 1.860.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.860.000 | 1.860.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 100.000 | 100.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 100.000 | 100.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.760.000 | 1.760.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.760.000 | 1.760.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận năm trước chuyển sang | 9.165.250.210 | 8.834.133.269 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này | 2.883.317.395 | 2.795.116.941 |
| Phân phối lợi nhuận | 2.288.000.000 | 2.464.000.000 |
| - Phân phối lợi nhuận năm trước | 2.288.000.000 | 2.464.000.000 |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - |
| + Chia cổ tức | 2.288.000.000 | 2.464.000.000 |
| - Tạm phân phối lợi nhuận năm này | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ | 9.760.567.605 | 9.165.250.210 |

(*) Lợi nhuận năm 2016 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 12/04/2017.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán sách tham khảo | 2.399.520 | 6.232.120 |
| Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục | 36.532.630.553 | 34.920.229.407 |
| Doanh thu phim, băng đĩa | 29.578.710 | 84.393.100 |
| Doanh thu thiết bị giáo dục | 22.298.762.905 | 24.299.466.648 |
| Doanh thu khác | - | 137.143 |
| Cộng | 58.863.371.688 | 59.310.458.418 |

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 648.960.097 | 584.936.676 |
| Giảm giá hàng bán | - | 4.895.579 |
| Hàng bán bị trả lại | 868.477.850 | 457.396.454 |
| Cộng | 1.517.437.947 | 1.047.228.709 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn sách tham khảo | 1.705.130 | 8.549.153 |
| Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục | 23.965.784.464 | 23.382.872.948 |
| Giá vốn phim, băng đĩa | 26.620.839 | 75.457.482 |
| Giá vốn thiết bị giáo dục | 18.033.064.494 | 19.475.076.366 |
| Giá vốn khác | - | 29.106.329 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 39.613.474 | (601.130) |
| Cộng | 42.066.788.401 | 42.970.461.148 |

21. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 542.922.727 | 474.640.067 |
| Cộng | 542.922.727 | 474.640.067 |

22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương nhân viên bán hàng | 2.816.913.533 | 2.574.198.394 |
| Chi phí bốc xếp vận chuyển | 892.285.937 | 958.626.879 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 1.299.665.466 | 1.614.157.579 |
| Chi phí thuê kho, thuê văn phòng | 499.200.000 | 549.178.909 |
| Các khoản khác | 1.443.740.044 | 1.325.479.528 |
| Cộng | 6.951.804.980 | 7.021.641.289 |

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 2.397.378.172 | 2.863.475.182 |
| Chi phí thuê nhà | 252.327.272 | 310.786.363 |
| Chi phí giao dịch, hội nghị | 622.224.187 | 660.428.267 |
| Dịch vụ phí, chuyển tiền, công văn... | 197.719.225 | 158.460.258 |
| Các khoản khác | 1.750.514.690 | 1.034.572.737 |
| Cộng | 5.220.163.546 | 5.027.722.807 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Thu nhập khác

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê | 14.917.619 | 33.789.023 |
| Thu từ thanh lý tài sản | 1.636.364 | 363.636 |
| Các khoản khác | 178.129 | 414.832 |
| Cộng | 16.732.112 | 34.567.491 |

24. Chi phí khác

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|-----------------------------|-------------------|--------------------|
| Phạt và truy thu thuế | 50.901 | 86.522.878 |
| Xử lý hàng thiếu do kiểm kê | 10.586.308 | 19.026.014 |
| Các khoản khác | 491.004 | 1.222.659 |
| Cộng | 11.128.213 | 106.771.551 |

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|--------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.641.128.797 | 3.643.644.454 |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế | 147.928.213 | 174.620.378 |
| - Điều chỉnh tăng | 147.928.213 | 174.620.378 |
| + Chi phí không hợp lệ | 11.128.213 | 86.522.878 |
| + Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành | 136.800.000 | 88.097.500 |
| - Điều chỉnh giảm | - | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 3.789.057.010 | 3.818.264.832 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 757.811.402 | 848.527.513 |
| Trong đó: | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này | 757.811.402 | 763.652.966 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | | 84.874.547 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|---------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.883.317.395 | 2.795.116.941 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế | - | - |
| - Điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm | - | - |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 2.883.317.395 | 2.795.116.941 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 1.760.000 | 1.760.000 |
| Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu (*) | 1.638 | 1.588 |

(*) Điều lệ cũng như Đại hội cổ đông Công ty không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu 2017 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này.

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.234.950.791 | 2.319.964.066 |
| Chi phí nhân công | 10.209.267.581 | 10.302.534.077 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 207.023.376 | 207.023.376 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 19.179.624.908 | 19.498.404.354 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.258.950.448 | 3.677.737.236 |
| Cộng | 35.089.817.103 | 36.005.663.109 |

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bàn đồ, tranh ảnh và các sản phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2017 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------|----------------------|------------|----------------------|
| Phải trả người bán | 3.211.412.299 | - | 3.211.412.299 |
| Chi phí phải trả | 75.000.000 | - | 75.000.000 |
| Phải trả khác | 181.199.379 | - | 181.199.379 |
| Cộng | 3.467.611.678 | - | 3.467.611.678 |
| 01/01/2017 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Phải trả người bán | 3.472.076.123 | - | 3.472.076.123 |
| Chi phí phải trả | 45.000.000 | - | 45.000.000 |
| Phải trả khác | 209.414.752 | - | 209.414.752 |
| Cộng | 3.726.490.875 | - | 3.726.490.875 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2017 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 21.931.201.440 | - | 21.931.201.440 |
| Phải thu khách hàng | 10.329.069.103 | - | 10.329.069.103 |
| Phải thu khác | 97.913.328 | - | 97.913.328 |
| Đầu tư tài chính | - | 985.425.357 | 985.425.357 |
| Cộng | 32.358.183.871 | 985.425.357 | 33.343.609.228 |
| 01/01/2017 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.757.539.551 | - | 17.757.539.551 |
| Phải thu khách hàng | 12.457.116.917 | - | 12.457.116.917 |
| Phải thu khác | 55.722.760 | - | 55.722.760 |
| Đầu tư tài chính | - | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Cộng | 30.270.379.228 | 1.000.000.000 | 31.270.379.228 |

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

| | Mối quan hệ |
|--|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam") | Công ty đầu tư |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Công ty đầu tư |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Cần Thơ | Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung | Chung Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc | Chung Công ty đầu tư |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

| | Giao dịch | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|-----------------------|---------------|---------------|
| Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ | Bán bản đồ, tranh ảnh | 1.656.628.000 | 1.333.929.320 |
| Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng | Bán bản đồ, tranh ảnh | 2.077.520.320 | 2.356.571.392 |
| Công ty cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh | Bán bản đồ, tranh ảnh | 3.566.745.440 | 3.281.296.080 |
| Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM | Bán bản đồ, tranh ảnh | 4.599.026.240 | 3.740.837.560 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | Phí quản lý xuất bản | 904.513.500 | 899.842.000 |
| Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM | Mua thiết bị Giáo dục | 6.060.840.612 | 7.688.495.999 |

c. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

| | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---------------------------|-------------|-------------|
| Thù lao Hội đồng quản trị | 150.200.000 | 117.400.000 |
| Tiền lương Ban Giám đốc | 431.808.483 | 638.298.904 |

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đã thông báo về chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2017 tại ngày 14/07, ngày đăng ký cuối cùng là 12/03/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang